

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 06NS/QNS/2023

Thực phẩm bổ sung

**SỮA ĐẬU NÀNH FAMI
GO VỊ ĐẬU ĐỎ NẾP CẨM**

2023



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 06NS/QNS/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI - QNS.**

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Điện thoại: 0255 3726110 – 0255 3726616.

Fax: 0255 3822843.

E-mail: info@qns.com.vn; info@vinasoy.com.

Mã số doanh nghiệp: 4300205943.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở đã được cấp chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm theo FSSC 22000; HACCP Codex.

II. Thông tin về sản phẩm: Thực phẩm bổ sung

1. Tên sản phẩm: SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GO VỊ ĐẬU ĐỎ NẾP CẨM

2. Thành phần:

- Dịch trích từ đậu nành hạt (64%), nước, đường, dầu đậu nành, bột đậu đỏ (0,5%), bột nếp cẩm (0,2%), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, bột sữa dừa, muối ăn, chất ổn định (407, 418), chất điều chỉnh độ acid (500(ii)), vitamin và khoáng chất (B1, B2, B6, Biotin, D3 và kẽm).
- Có chứa đậu nành, dừa.
- Sử dụng đậu nành hạt chọn lọc, không biến đổi gen (Non-GMO).
- Không sử dụng chất bảo quản.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:



4.1 Quy cách bao gói:

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp/bịch ở dạng rời hoặc được tạo thành dạng lốc trước khi xếp vào thùng carton.
- Sản phẩm được chiết rót với thể tích thực: 200 ml/hộp (bịch), 1 lít/hộp.
- Ngoài ra có thể đóng gói với các loại thể tích khác theo yêu cầu của khách hàng.

(sai số định lượng phù hợp quy định Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).

4.2 Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì giấy Tetra Pak bên trong là lớp nhựa PE chuyên dùng, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam.

Sản phẩm của Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi.

Sản xuất tại các Nhà máy:

- Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy (ký hiệu A) - Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
- Nhà máy Sữa đậu nành Vinasoy Bắc Ninh (ký hiệu B) - Đường TS5, KCN Tiên Sơn, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
- Nhà máy Sữa đậu nành Vinasoy Bình Dương (ký hiệu C) - Số 15, đường số 31, KCN VSIP II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Các nhà máy sản xuất của Vinasoy đã được chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm theo FSSC 22000; HACCP Codex.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 6-2: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

3. Tiêu chuẩn Quốc gia số:

- TCVN 12443:2018- Sữa đậu nành

4. Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số: TCCS 06:2023/NS-QNS

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 06 năm 2023. *thh*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN *m*



Đinh dưỡng thiết yếu từ thực vật

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH TRONG 100 mL	
Hàm lượng	95 kcal
Chất đạm	3,2 g
Chất béo	3,2 g
Carbohydrate	9,8 g
Nước	40 mg
Vitamin B1	280 mcg
Vitamin B2	150 mcg
Vitamin B6	200 mcg
Biotin	5 mcg
Vitamin D3	4,2 IU
Kẽm	957 mcg
Cholesterol	0 mg

Thành phẩm: Chất trích từ đậu nành từ 1441 nước đường, sữa đậu nành, bột đậu đỏ (0,5%) bột nếp cẩm (0,25%), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, bột sữa (bột, muối ăn, chất ổn định 1407, 419), chất béo chính 99 acid (5000), vitamin và khoáng chất (B1, B2, B6, Biotin, D3 và kẽm).
 Có chứa đậu nành, sữa.

(*) Theo dữ liệu của Kantar từ Worldpanel Database - Household Panel - Tuân thủ 4 thành phố chính và nông thôn Việt Nam - cả năm 2022 - Nielsen, Sữa Đậu Nành.

(**) Hàm lượng các vitamin và khoáng chất không tương đương với giá trị thực tế.

Sản phẩm của **NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY**

Đơn vị phân phối: Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi (2 Nguyễn Chí Thanh P. Quảng Ngãi, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam) CSRP số: 01452-CHNG2023

Tin hiệu thêm



Sản xuất tại Việt Nam
 www.vinasoy.com
 Hotline: 1909 0109



THỰC PHẨM SỐ 1 VIỆT NAM ĐƯỢC CHỌN MUA



GO

3 KHÔNG

- ✓ Không chất bảo quản
- ✓ Không Cholesterol
- ✓ Không biến đổi gen

NGON HƠN KHI UỐNG LẠNH

- + Pha tiếp vào nước dùng từ 4 buổi trở lên.
- + Ngon dùng 2 lịch mỗi ngày.
- + Chỉ sử dụng không uống đi giờ lâu khi mở nắp.
- + Bảo quản nơi khô mát.
- + Thành phần dinh dưỡng có thể bị tăng hoặc có thể giảm nhẹ một lượng nhất định sau quá trình sản xuất không thay đổi các đầu trước khi sử dụng.

100% ĐAM THỰC VẬT

GO



CHO BỮA SÁNG ĐỦ CHẤT

BỘT BÉO VITAMIN

Sữa Đậu Nành Fami Go

VỊ ĐẬU ĐỎ NẾP CẨM

Thực phẩm bổ sung
 Thể tích thực: 200 ml



VỊ ĐẬU ĐỎ NẾP CẨM

Hạng mục: Bao bì fino Fami GO - Vị đậu đỏ nếp cẩm
 Ngày thực hiện: 08/06/2023
 Mã số TK: FD40B-080623

GIAM ĐỐC
 NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY
 CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
 M.S. Công: 4300205943-019-C.T.C
 TP. QUẢNG NGÃI, QUẢNG NGÃI
 Nguyễn Sơn Hải



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code BN32303.02144037 MM32303.021440371	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 11/03/2023
---	--	--

Tên khách hàng/ Customer	: NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
Địa chỉ/ Address	: SỐ 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM
Tên mẫu/ Name of sample	: SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GO VỊ ĐẬU ĐỎ NÉP CẨM 240223-017A
Số lượng/ Quantity	: 1
Mô tả mẫu/ Sample description	: Mẫu dạng lỏng, chứa trong bao bì kín.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving	: 02/03/2023
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue	: 10/03/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Clostridium perfringens	CFU/mL	< 01	ISO 7937:2004 (*)
2	Coliforms	CFU/mL	< 01	ISO 4832:2006 (*)
3	Escherichia coli	CFU/mL	< 01	ISO 16649-2:2001 (*)
4	Pseudomonas aeruginosa	CFU/mL	< 01	ISO 16266:2006 (*)
5	Staphylococcus aureus	CFU/mL	< 01	ISO 6888-1:1999/Amd.1. 2003 (*)
6	Streptococci faecal	CFU/mL	< 01	ISO 7899-2:2000 (*)
7	Tổng nấm men, nấm mốc	CFU/mL	< 01	ISO 21527-1:2008 (*)
8	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/mL	< 01	ISO 4833-1:2013 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratoryTL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

ThS. Lương Sơn Tùng



Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE

TRỤ SỞ CHÍNH
 1/ 03 Nguyễn Văn Thọ, P. Bà Kiêu, Q. 1, TP. HCM
 T: 18007105
 2/ (84-28) 391 7295
 3/ case@case.vn

CHI CÁN THỢ
 1/ F257 - F268, Đường số 6 KDC SBB, P. Phú Thọ, Q. Bình Chánh, TP. HCM
 T: (84-292) 3918207 - 3918 218
 2/ vinhdoanhcantho@case.vn; nhahamducanttho@case.vn;
 ketqua@case.vn
 3/ case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN HIỆN TRUNG
 1/ 5142785 Đường BE, KĐT Lã Hồng Phong I, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
 T: (84-258) 246 5255
 2/ (84-258) 246 5355
 3/ vnp@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN32303.02144037
MM32303.021440371

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 11/03/2023

Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ/ Address : SỐ 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GO VỊ ĐẬU ĐỎ NẾP CẨM 240223-017A

Số lượng/ Quantity : 1

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu dạng lỏng, chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 02/03/2023

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 10/03/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Pb	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S. Nguyễn Thành Duy

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRIỂN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
1/ 02 Nguyễn Văn Thủ P. Đa Kao, Q. 1 TP HCM
N: 18001105
☎ (84-28) 3311 7216
✉ case@hcmv.com.vn

CHI CÁN THỊ
1/ F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 196, P.Phố Thủ, Cai Rang, Cần Thơ
N: (84-292) 3916217 - 3916 218
✉ kth@hcmv.com.vn; thma@case.vn; ket@case.vn
✉ ket@case.vn
✉ case.com.vn

VPHÒNG ĐIỂN HIỂN TRUNG
1/ 51-5278 Đường 06, KĐT Lê Hồng Phong & P. Phước Hải, Ninh Trung, Thành Phố Hồ Chí Minh
N: (84-258) 246 5250
☎ (84-258) 246 5355
✉ vanhongtrung@case.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00061372
 Mã số kết quả : AR-23-VD-064399-01-VI / EUVNHC-00215394



NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
 02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ, TP. QUẢNG NGÃI
 T. QUẢNG NGÃI, Việt Nam

Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GO VỊ ĐẬU ĐỎ NẾP CẨM
 240223-017A
 Tình trạng mẫu : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín
 Ngày nhận mẫu : 20/05/2023
 Thời gian thử nghiệm : 22/05/2023 - 23/05/2023
 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 27/05/2023
 Mã số PO của khách hàng : NA9J2305204393
 Mã số mẫu Eol : 005-32410-203512

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
 Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
 Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 26/05/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 26/05/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sack Y Hai Dang xây dựng.
 VD: Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sack Y Hai Dang.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00061371
 Mã số kết quả : AR-23-VD-064398-01-VI / EUVNHC-00215394



NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ, TP. QUẢNG NGÃI
 T. QUẢNG NGÃI, Việt Nam

Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GO VỊ ĐÀU ĐỎ NẾP CẨM
 240223-017A
 Tình trạng mẫu : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín
 Ngày nhận mẫu : 20/05/2023
 Thời gian thử nghiệm : 22/05/2023 - 24/05/2023
 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 27/05/2023
 Mã số PO của khách hàng : NA9J2305204393
 Mã số mẫu Eol : 005-32410-203511

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
 Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
 Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 26/05/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 26/05/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng xây dựng.
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



VIMCERTS
147

Mã số mẫu/ Sample code
BN32303.02144037
MM32303.021440371

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 11/03/2023

Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ/ Address : SỐ 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GO VỊ ĐẬU ĐỎ NẾP CẨM 240223-017A

Số lượng/ Quantity : 1

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu dạng lỏng, chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 02/03/2023

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 10/03/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Aflatoxin B1	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (HPLC) (*)
2	Aflatoxin B1, B2, G1, G2	µg/kg	Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (HPLC) (*)
3	Ochratoxin A	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0069 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S. Nguyễn Thành Duy

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
Số 02 Nguyễn Văn Thiệu, Phường Đa Kỳ, Q. 1, TP.HCM
☎ 18001105
☎ (84 28) 391 7298
✉ case@cmh.case.vn

CN CẦN THƠ
☎ F2557 - F2558, Đường số 6, KCC 566, P. Phú Thứ, Cà Răng, Cần Thơ
☎ (84 292) 3918217 - 3918 218
✉ cantho@cmh.case.vn; phonthu@cantho.case.vn
✉ ketcancan@cmh.case.vn
☎ case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
☎ 51H-0798 Đường BE, MĐ1 Lê Hồng Phong, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84 258) 246 5255
☎ (84 258) 246 5355
✉ vtrung@cmh.case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN32303.02144037
MM32303.021440371

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 11/03/2023

Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ/ Address : SỐ 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GO VỊ ĐẬU ĐỎ NẾP CẨM 240223-017A

Số lượng/ Quantity : 1

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu dạng lỏng, chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 02/03/2023

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 10/03/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Benzoic acid	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 2	CASE.SK.0019 (*)
2	Sodium benzoate	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 2 (Quy từ Benzoic acid)	CASE.SK.0019 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S. Nguyễn Thành Duy

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

41 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1 TP. HCM

☎ 1800705

☎ (84 28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CHI CÁN THỜ

41 F257 - F258, Đường số 8, KDC SGG, P. Phú Thọ, Q. Bình Chánh, TP. HCM

☎ (84 292) 398977 - 3989 298

✉ klmhoan@case.vn; nhlanmaucantho@case.vn;

ketquancantho@case.vn

☎ case.com.vn

VĂN PHÒNG MIỀN TRUNG


41 5TH278, Đường BE, KĐT Lê Hồng Phong, P. Phước Hội, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84 258) 246 5255

☎ (84 258) 246 5355

✉ vanphongmienntrung@case.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2023-00021955	
Mã số kết quả :	AR-23-VD-024196-01-VI / EUVNHC-00204410	

NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI 02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ, TP. QUẢNG NGÃI T. QUẢNG NGÃI, Việt Nam

Tên mẫu :	SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GO VỊ ĐẬU ĐỎ NẾP CẨM 240223-017A
Tình trạng mẫu :	Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu :	03/03/2023
Thời gian thử nghiệm :	04/03/2023 - 05/03/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	08/03/2023
Mã số PO của khách hàng :	NA9J230302041
Mã số mẫu Eol :	005-32410-167235

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD290 VD (a) Sulfur dioxide (SO ₂)	mg/ kg	AOAC 990.28	Không phát hiện (LOD=3)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

<p>Ký tên</p>  <p>Nguyễn Anh Vũ Trưởng phòng thí nghiệm HCM</p>	  <p>Lý Hoàng Hải Tổng Giám Đốc</p>
--	--

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 08/03/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 08/03/2023.

<p>Ghi chú giải thích</p> <p>Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng. *VD*: Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang.(a) chủ thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.</p>



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN32303.02144037
MM32303.021440371

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 11/03/2023

Tên khách hàng/ Customer : **NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ/ Address : **SỐ 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM**

Tên mẫu/ Name of sample : **SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GO VỊ ĐẬU ĐỎ NẾP CẨM 240223-017A**

Số lượng/ Quantity : 1

Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu dạng lỏng, chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 02/03/2023

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 10/03/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	GMO	-	Định tính GMO bằng phương pháp sàng lọc: Promoter CaMV 35S: Không phát hiện Terminator NOS: Không phát hiện (LOD= 0,1%)	ISO 21569:2005/Amd 1:2013 (Phụ lục/Annex B1, B3) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Th.S. Lương Sơn Tùng



Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

4) 03 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.29) 398 7298

✉ case.hcm@case.vn

CN CẦN THƠ

☎ F267 - F268, Đường số 6, KDC 506, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918717 - 3918 018

✉ kinhdoanhcantho@case.vn | phatminhcantho@case.vn |

labcantho@case.vn

☎ casecantho

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

☎ 57-0798, Đường BE, HQT Lê Hồng Phong II, Phường Hải Ninh, Thành Phố Huế

☎ (84.258) 246 5255

☎ (84.258) 246 5355

✉ vnpchongmienntrung@case.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00021956
 Mã số kết quả : AR-23-VD-024197-01-VI / EUVNHC-00204410



NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÙ, TP. QUẢNG NGÃI
 T. QUẢNG NGÃI, Việt Nam

Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI GO VỊ ĐẬU ĐỎ NẾP CẨM
 240223-017A
 Tình trạng mẫu : Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín
 Ngày nhận mẫu : 03/03/2023
 Thời gian thử nghiệm : 04/03/2023 - 06/03/2023
 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 08/03/2023
 Mã số PO của khách hàng : NA9J230302041
 Mã số mẫu Eol : 005-32410-167236

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD0J2 VD 2,4-D	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
2	VD1HU VD Diquat	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
3	VD1HW VD Paraquat	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
4	VDN9M VD (a) Glufosinat-amoni	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.01)
5	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.003)
6	VD42Q VD (a) Spinetoram	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
7	VD2U9 VD Chlorpyrifos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
8	VD3CH VD (a) Acephat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
9	VD3F1 VD (a) Acetamiprid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
10	VD3CM VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
11	VD3P3 VD Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
12	VD3FT VD (a) Azoxystrobin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
13	VD3ET VD (a) Bentazon	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
14	VD3FU VD (a) Benzovindiflupyr	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
15	VD42V VD (a) Bifenazat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD3CI VD (a) Carbaryl	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
17	VD3CJ VD (a) Carbendazim	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
18	VD3CU VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
19	VD3F2 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
20	VD3C7 VD (a) Chlordan	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
21	VD4CK VD (a) Chlorpyrifos-methyl	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
22	VD3FS VD (a) Clethodim	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
23	VD3CK VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
24	VD3CZ VD (a) Cycloxydim	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
25	VD2UA VD Cyfluthrin/beta-cyfluthrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
26	VD3BR VD (a) Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
27	VD42S VD (a) Cypermethrins (Gồm alpha & zeta - Cypermethrin)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
28	VD3DF VD (a) Cyproconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
29	VD3EP VD (a) Cyprodinil	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0001)
30	VD3DT VD (a) Cyromazin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
31	VD3CL VD (a) Diazinon	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
32	VD42W VD Dicamba	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
33	VD3DG VD (a) Dichlorvos	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
34	VD3D0 VD (a) Difenoconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
35	VD3EM VD (a) Diflubenzuron	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
36	VD4CZ VD (a) Dimethenamid-p	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
37	VD3EC VD (a) Dinotefuran	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
38	VD3DH VD (a) Disulfoton	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
39	VD3ER VD (a) Enamectin, benzoate-	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
40	VD3A7 VD (a) Endosulfan	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
41	VD3DI VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
42	VD3F4 VD (a) Fenamidone	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
43	VD3D2 VD (a) Fenitrothion	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
44	VD4CN VD (a) Fenpropathrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
45	VD3CP VD (a) Fipronil	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
46	VD3E1 VD (a) Fludioxonil	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
47	VD3FL VD (a) Fluopyram	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
48	VD3DA VD (a) Flusilazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
49	VD3LS VD (a) Flutriafol	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
50	VD3FD VD (a) Fluxapyroxad	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
51	VD3EH VD (a) Haloxyfop	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
52	VD3BL VD (a) Heptachlor	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
53	VD3CQ VD Imazamox	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
54	VD3FJ VD (a) Imazapic	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
55	VD3E2 VD (a) Imidacloprid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
56	VD3EN VD (a) Indoxacarb	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
57	VD3WR VD (a) Iprodione	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
58	VD3C9 VD (a) Isoxaflutole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
59	VD3VA VD (a) Malathion	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
60	VD3C8 VD MCPA	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
61	VD3EV VD (a) Mesotrione	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
62	VD3JH VD (a) Metalaxyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
63	VD3DB VD (a) Methamidophos	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
64	VD3DD VD (a) Methidathion	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
65	VD3PA VD (a) Methiocarb	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
66	VD3D3 VD (a) Methomyl	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
67	VD3F6 VD (a) Methoxyfenozid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
68	VD3JN VD (a) Myclobutanil	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
69	VD3CT VD (a) Novaluron	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
70	VD3X1 VD (a) Parathion-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
71	VD3BH VD (a) Penthiopyrad	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
72	VD3BV VD (a) Permethrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
73	VD3D5 VD (a) Phorate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
74	VD3EK VD (a) Propargit	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
75	VD3F7 VD Propiconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
76	VD3FZ VD (a) Prothioconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
77	VD3CS VD (a) Pyraclostrobin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
78	VD3XG VD (a) Quintozene	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
79	VD42R VD (a) Spinosad	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
80	VD3QH VD (a) Spirotetramat	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
81	VD3FP VD (a) Sulfoxaflor	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
82	VD3CF VD (a) Tebuconazol	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
83	VD3D8 VD (a) Tebufenozid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
84	VD3CG VD (a) Thiacloprid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
85	VD3FQ VD (a) Thiamethoxam	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
86	VD3CA VD (a) Trifloxystrobin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
87	VD4CI VD (a) Trinexapac-ethyl	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 08/03/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 08/03/2023.

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Mọi phép thử được nhận điện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.
 VD: Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang.(a) chủ tịch rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.